TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2021/HNGD-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Trần Văn Thanh**

2. Ông: **Hảng A Nếnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-HN&GĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị T**; sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Bản M, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Có mặt)*

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Bà **Lê Thị D** – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. *(Có mặt)*

Bị đơn: Anh **Lường Văn D**; (Tên khác: Lường Văn Đ) sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên *(Vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 21/6/2021; tại biên bản lấy lời khai của chị T ngày 05/8/2021 nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:

* **Về hôn nhân**: Tôi (T) và anh Lường Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 17/8/2005. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh D về sống tại bản M, xã Ẳ, huyện M. Trong quá trình chung sống, tôi và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Tôi và anh D thường xuyên xảy ra cự cãi do không hợp nhau về tính cách. Tháng 01/2008, anh D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản C, xã C, huyện To, tỉnh Điện Biên.

Từ đó đến nay anh D không quan tâm đến tôi và con chung. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lường Văn D.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống tôi và anh D có 01 người con chung: Cháu Lường Văn Q, sinh ngày 06/6/2006. Nguyện vọng của tôi là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Tôi và anh D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lường Văn D; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai chị đã trình bày.

*** Bị đơn: A**nh Lường Văn D mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lường Văn Quyết. Nguyện vọng cháu là muốn được ở với mẹ.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày**: Yêu cầu của chị T là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị T và anh D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2005 tại UBND xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chị T và anh D về sống tại bản M, xã Ẳ, huyện M. Trong quá trình chung sống, chị T và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 01/2008, anh D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chị T, anh D đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và tuyên bố chị T được ly hôn anh D.

Thứ hai về con chung: Chị T và anh D có 01 người con chung: Cháu Lường Văn Q, sinh ngày 06/6/2006. Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu Q muốn được ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T và của cháu Q về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị T và anh D không có tài sản chung; Nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố chị Quàng Thị T được ly hôn anh Lường Văn D.

- Con chung: Giao cháu Lường Văn Q, sinh ngày 06/6/2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

- Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu.

- Án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 (Chị *Quàng Thị T và anh Lường Văn D thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên giải quyết*) Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 23/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh D, anh D không có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ngày 20/7/2021 chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tống đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 08/9/2021, Nguyên đơn là chị Quàng Thị T có mặt, bị đơn là anh Lường Văn D vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ

khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 24/9/2021.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lò Thị T (có mặt); Bị đơn là anh Lường Văn D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Chị T và anh D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2005 tại UBND xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chị T, anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 01/2008 đến nay chị T và anh D đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng chị T, anh D đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Quàng Thị T. Tuyên xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lường Văn D.

**** Về con chung***: Chị Quàng Thị T và anh Lường Văn D có 01 người con chung: Cháu Lường Văn Q, sinh ngày 06/6/2012. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quyết đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyện vọng của cháu Lường Văn Q muốn được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị T: Chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lường Văn D (Lường Văn Đ).

2. Về con chung: Giao cháu Lường Văn Q, sinh ngày 06/6/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Thời điểm giao nuôi cháu Lường Văn Q cho chị T kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị T.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Quàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2021). Anh Lường Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Ẳ, h.M
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân